

Số: *1854*/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *07* tháng *10* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130  
(San Thàng – Thèn Sin – Mường So)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy  
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi  
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND  
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện  
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa  
bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND thành  
phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:  
Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai  
Châu tại Tờ trình số *652*/TTr-TNMT ngày *04/10*/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Vàng Thị Mẫy – Cư trú tại: Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 91.401.848 đồng.

*(Bằng chữ: Chín mươi một triệu bốn trăm linh một nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng)*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ



thì hộ gia đình bà Vàng Thị Mây có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sin - Mường So)**

(Kèm theo Quyết định số: **1854** QĐ/UBND ngày **07** tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
<b>1</b>	<b>Hộ gia đình bà Vàng Thị Mây</b>					
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c).					<b>91.401.848</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>					<b>12.306.200</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	332,6			
2	Loại đất:					
	Đất trồng lúa nước còn lại (đất trồng lúa 1 vụ)	m <sup>2</sup>	294,4	37.000	10.892.800	
	Đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	38,2	37.000	1.413.400	
	Vị trí: vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc:                      Đối với thửa đất số 396, 478, 491, 492, 493, 498, 508 TĐĐ 15 có nguồn gốc: đã được cấp GCN QSD đất số BM 034758 số UBND TX Lai Châu (Nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 15/7/2013.                      Đối với thửa đất số 494 TĐĐ 15 có nguồn gốc: nhân tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố mẹ chồng (cũ) là ông Hồ Văn Páo và bà Lò Thị Dinh năm 1996 (không có giấy tờ). Đất ông Páo và bà Dinh khai hoang sử dụng trước năm 1993 (không giấy tờ), sử dụng vào mục đích đất trồng lúa.                      Đối với thửa đất số 499 TĐĐ số 15 theo thông tin địa chính đang quy chủ đất BCS thuộc thửa 499 TĐĐ 15 và đất DGT thuộc thửa 435 TĐĐ 15 hiện trạng do gia đình bà Vàng Thị Mây sử dụng có nguồn gốc nhân tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố mẹ chồng (cũ) là ông Hồ Văn Páo và bà Lò Thị Dinh năm 1996 (không có giấy tờ). Đất ông Páo và bà Dinh khai hoang sử dụng trước năm 1993 (không giấy tờ), sử dụng vào mục đích đất trồng lúa đến năm 2000 chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản.                      Phần diện tích 2,7 m2 thuộc thửa 396 TĐĐ 15 đang chồng lấn lên thửa 435 TĐĐ 15 theo thông tin địa chính đang quy chủ đất DGT hiện trạng bà Vàng Thị Mây đang sử dụng vào mục đích đất trồng lúa có nguồn gốc như giấy chứng nhận QSD đất đã cấp, nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>					
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Vàng Thị Mây tạo lập vào năm 2009. Phần diện tích đất ao gia đình bà Vàng thị Mây tạo lập năm 2000. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, đúng mục đích sử dụng đất, sử dụng ổn định không tranh chấp)</b>					<b>4.240.448</b>
1	Hàng rào cọc tre	m	77	6.000	462.000	
2	Hàng rào cọc tre	m	53	6.000	318.000	
3	Kè đá xếp khan (40*0.8*0.4)	m3	12,80	141.900	1.816.320	
4	Ao đào thủ công 38,2 m2 *0.8m	m3	30,56	53.800	1.644.128	
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>					<b>27.043.800</b>
1	Sản lượng lúa 35 m2 * 5.2 tấn/ha/năm	kg	10,5	8.000	84.000	
2	Sản lượng cá bị ảnh hưởng 118,2 m2 *0,3kg/m2	kg	35,5	65.000	2.304.900	
3	Sản lượng cá 38,2 m2 *0.3 kg/m2	kg	11,5	65.000	744.900	
4	Cây mía đã cho thu hoạch (200 m2) (13 cây/m2) (cao trên 1,2 m)	cây	2600,0	9.000	23.400.000	
5	Cây đào R = 1-2 m	cây	1,0	360.000	360.000	
6	Cây lấy gỗ (cây xoan) D=5-10 cm	cây	5,0	30.000	150.000	
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>					<b>47.811.400</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa nước còn lại (đất trồng lúa 1 vụ)	m <sup>2</sup>	294,4	148.000	43.571.200	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	38,2	111.000	4.240.200	

